

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý khu bảo tồn biển
Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Luật đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật du lịch ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa tại Tờ trình số 24/TTr-BQLVQGNC ngày 11/6/2021; Báo cáo thẩm định số 738/BC-STP ngày 16/4/2021 của Sở Tư pháp và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 171/TTr-SNNPTNT ngày 22/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý khu bảo tồn biển Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 / 07 /2021 và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý Khu Bảo tồn biển Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Thủy sản;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nông nghiệp và PTNT);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP: LĐ, khối NCTH;
- Lưu: VT. HC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền



QUY CHẾ

★ Quản lý khu bảo tồn biển

Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2021/QĐ-UBND
ngày 20 /07 /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về phân vùng quản lý, các hoạt động trong khu bảo tồn biển Vườn quốc gia Núi Chúa (sau đây gọi tắt là khu bảo tồn biển) về quản lý nhà nước nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý các hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử, phục vụ phát triển bền vững tại Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân của Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có các hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển, trừ trường hợp pháp luật và Điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

2. Đối với trường hợp đặc biệt quan trọng về an ninh quốc gia, các tổ chức, cá nhân sau khi được phép của cấp có thẩm quyền thì được tiến hành các hoạt động có liên quan trong khu bảo tồn biển.

Điều 3. Phạm vi và phân khu chức năng của khu bảo tồn biển

Phạm vi khu bảo tồn biển kéo dài từ Mũi Đá Vách ở phía Bắc xuống phía Bắc Hòn Chông ở phía Nam. Tổng diện tích khu bảo tồn biển 7.352 ha được giới hạn bởi các mốc tọa độ (hệ tọa độ VN 2.000) sau:

STT	Ký hiệu	Tọa độ địa lý		Ghi chú
		Tọa độ X	Tọa độ Y	
1	C1	606859	1297000	PKDVHC
2	C2	608853	1296999	PKDVHC
3	C3	605189	1296278	PKDVHC

STT	Ký hiệu	Tọa độ địa lý		Ghi chú
		Tọa độ X	Tọa độ Y	
4	C4	602975	1296785	PKDVHC
5	C5	603867	1296134	PKDVHC
6	C6	603365	1295273	PKDVHC
7	A1	603482	1294659	PKBVNN 1
8	A3	602086	1293120	PKBVNN 1
9	A4	601489	1291590	PKBVNN 1
10	C7	600564	1288364	PKDVHC
11	A8	600033	1286991	PKBVNN 2
12	B1	599055	1285700	PKPHST
13	A10	599700	1285330	PKBVNN 2
14	B2	597671	1284196	PKPHST
15	B3	596022	1280877	PKPHST
16	B4	597836	1280881	PKPHST
17	C8	601285	1280883	PKDVHC

Khu bảo tồn biển được phân thành 03 phân khu sau đây:

1. Phân Khu bảo vệ nghiêm ngặt: Diện tích 667 ha

Là vùng biển, ven biển được xác định để bảo toàn nguyên vẹn, giữ nguyên hiện trạng và theo dõi diễn biến tự nhiên của các loài động vật, thực vật thủy sinh và các hệ sinh thái tự nhiên trên biển.

Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích 667 ha, gồm 02 khu vực sau:

a) Khu vực 1: Diện tích 568 ha, kéo dài từ bãi Nhỏ cho đến lạch Nước Ngọt với chiều dài đường bờ khoảng 6,8 km và chiều rộng từ 1,0 - 1,5 km từ mép nước đường bờ lúc triều cao ra đến độ sâu 30 m; được giới hạn bởi các mốc tọa độ (hệ tọa độ VN 2.000) sau:

Tọa độ trung tâm: X: 602696; Y: 1292330

STT	Ký hiệu	Tọa độ địa lý		Ghi chú
		Tọa độ X	Tọa độ Y	
1	A1	60.3482	12.94659	PKBVNN 1
2	A2	60.4440	12.94136	PKBVNN 1
3	A3	60.2086	12.93120	PKBVNN 1
4	A4	60.1489	12.91590	PKBVNN 1

STT	Ký hiệu	Tọa độ địa lý		Ghi chú
		Tọa độ X	Tọa độ Y	
5	A5	60.1707	12.91420	PKBVNN 1
6	A6	60.1060	12.90547	PKBVNN 1
7	A7	60.1880	12.89926	PKBVNN 1

b) Khu vực 2: Diện tích 99 ha, kéo dài từ phía Nam Hòn Đeo đến Mũi Thị có đường bờ kéo dài khoảng 2,0 km và chiều rộng từ bờ ra đến độ sâu 20 m từ 0,5 - 0,7 km; được giới hạn bởi các mốc tọa độ (hệ tọa độ VN 2.000) sau:

Tọa độ trung tâm: X: 600127; Y: 1286051

STT	Ký hiệu	Tọa độ địa lý		Ghi chú
		Tọa độ X	Tọa độ Y	
8	A8	600033	1286991	PKBVNN 2
9	A9	600559	1286724	PKBVNN 2
10	A10	599700	1285330	PKBVNN 2
11	A11	600159	1285104	PKBVNN 2

2. Phân Khu phục hồi sinh thái: Diện tích 656 ha

Là vùng biển, ven biển được xác định để triển khai hoạt động phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh và các hệ sinh thái tự nhiên trên biển.

Phân khu phục hồi sinh thái kéo dài từ Mũi Thị đến phía Bắc Hòn Chông với chiều dài đường bờ khoảng 7,5 km và chiều rộng 0,7 km ở phía Bắc và 1,2 km ở phía Nam từ mép nước đường bờ lúc triều cao ra đến độ sâu 15 m; được giới hạn bởi các mốc tọa độ (hệ tọa độ VN 2.000) sau:

Tọa độ trung tâm: X: 597862; Y: 1283288

STT	Ký hiệu	Tọa độ địa lý		Ghi chú
		Tọa độ X	Tọa độ Y	
1	B1	599037	1285663	PKPHST
2	B2	599727	1285314	PKPHST
3	B3	597683	1284138	PKPHST
4	B4	597874	1280849	PKPHST

3. Phân Khu dịch vụ - hành chính: Diện tích 6.029 ha

Là vùng biển, ven biển được xác định để triển khai hoạt động dịch vụ, hành chính, hoạt động thủy sản có kiểm soát.

Là vùng biển nằm ngoài các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và phục hồi sinh thái nói trên, có phạm vi rộng nhất kéo dài từ Mũi Đá Vách xuống đến phía Bắc Hòn

Chông, kể cả vùng nước nông gần bờ và thủy vực sâu trong toàn vùng biển đến độ sâu từ 30 - 50 m. Chiều dài đường bờ khoảng 32,5 km và chiều rộng theo phương thẳng góc với bờ ra khơi là 1,9 km (Mũi Đá Vách), 4,2 km (bãi Nhỏ), 5,3 km (Hang Rái), 5,0 km (Mỹ Hòa) và 5,2 km (cảng cá Mỹ Tân). Được giới hạn bởi các mốc tọa độ (hệ tọa độ VN 2.000) sau:

Tọa độ trung tâm: X: 6033345; Y: 1288940

STT	Ký hiệu	Tọa độ địa lý		Ghi chú
		Tọa độ X	Tọa độ Y	
1	C1	60.6859	12.97000	PKDVHC
2	C2	60.8853	12.96999	PKDVHC
3	C3	60.5189	12.96278	PKDVHC
4	C4	60.2975	12.96785	PKDVHC
5	C5	60.3867	12.96134	PKDVHC
6	C6	60.3365	12.95273	PKDVHC
7	C7	60.0564	12.88364	PKDVHC
8	C8	60.1285	12.80883	PKDVHC

4. Ngoài các phân khu thuộc khu bảo tồn biển, bên ngoài có Vùng đệm là vùng biển, ven biển bao quanh, tiếp giáp với ranh giới khu bảo tồn nhằm ngăn chặn, giảm nhẹ tác động gây hại từ bên ngoài đến khu bảo tồn biển.

5. Quy mô các phân khu của khu bảo tồn biển được thể hiện tại bản đồ tỷ lệ 1/10.000, tọa độ vị trí các điểm giới hạn của từng vùng được thể hiện tại Phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

Chương II

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHU BẢO TỒN BIỂN

Điều 4. Quản lý hoạt động trong khu bảo tồn biển và Vùng đệm

1. Hoạt động được thực hiện trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt:

a) Thả phao đánh dấu ranh giới vùng biển.

b) Điều tra, nghiên cứu khoa học sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và chịu sự giám sát của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa.

c) Tuyên truyền, giáo dục môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Hoạt động được thực hiện trong Phân khu phục hồi sinh thái:

a) Hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

- b) Phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái biển.
 - c) Hoạt động du lịch sinh thái nhưng không gây tổn hại đến nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái biển.
 - d) Tàu cá, tàu biển và phương tiện thủy khác được đi qua không gây hại.
3. Hoạt động được thực hiện trong Phân khu dịch vụ - hành chính:
- a) Hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b) Nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản.
 - c) Tổ chức hoạt động dịch vụ, du lịch sinh thái.
 - d) Xây dựng công trình hạ tầng phục vụ hoạt động của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa; công trình phục vụ du lịch sinh thái, nuôi trồng thủy sản.
4. Hoạt động được thực hiện trong Vùng đệm:
- a) Hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều này.
 - b) Xây dựng công trình cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.
5. Những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học:
- a) Săn, bắt, đánh bắt, khai thác loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ việc vì mục đích nghiên cứu khoa học; lấn chiếm đất đai, phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên, nuôi trồng các loài ngoại lai xâm hại trong khu bảo tồn.
 - b) Xây dựng công trình, nhà ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; xây dựng công trình, nhà ở trái phép trong phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn.
 - c) Điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp; cư trú trái phép, gây ô nhiễm môi trường trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn.
 - d) Chuyển đổi trái phép mục đích sử dụng đất trong khu bảo tồn.
6. Các hoạt động trong khu bảo tồn biển được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này phải tuân thủ quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phục hồi hệ sinh thái, tái tạo nguồn lợi

Khuyến khích các hoạt động nhằm phục hồi các hệ sinh thái, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ và tăng cường tính đa dạng sinh học của khu bảo tồn biển và phải được sự cho phép của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa.

Điều 6. Hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản

1. Hàng năm, căn cứ kết quả đánh giá diễn biến tài nguyên môi trường, Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức

năng liên quan, đề xuất xây dựng kế hoạch nuôi trồng, tái tạo và khai thác nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn biển một cách hợp lý; xác định các khu vực phù hợp để dành riêng cho cộng đồng người địa phương nuôi trồng, khai thác thủy sản.

2. Các hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản tiến hành trong khu bảo tồn biển phải tuân thủ đầy đủ những quy định về bảo vệ môi trường, sinh cảnh, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Khuyến khích áp dụng các hình thức nuôi trồng thủy sản sinh thái không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của các loài thủy sinh vật theo kế hoạch, quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Hoạt động nghiên cứu khoa học, thăm dò, khảo sát, khảo cổ

1. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm mục đích bảo vệ và phát triển khu bảo tồn biển; tổ chức các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ để nâng cao năng suất sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề, cải thiện đời sống cho cộng đồng sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

2. Hoạt động thăm dò tài nguyên, khoáng sản, khảo sát, khảo cổ dưới nước trong khu bảo tồn biển phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Hoạt động sản xuất nông nghiệp

1. Hạn chế sử dụng phân bón hóa học, các hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác nông nghiệp; chăn nuôi gia súc phải nhốt chuồng và xử lý chất thải để không ảnh hưởng đến môi trường khu bảo tồn biển.

2. Khuyến khích sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh, canh tác theo chương trình quản lý tổng hợp cây trồng, không gây ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học khu bảo tồn biển.

Điều 9. Hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại

1. Việc tổ chức các hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại không được làm ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi, sinh cảnh của khu bảo tồn biển. Các dự án phát triển du lịch trong khu bảo tồn biển phải có ý kiến của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại và các hoạt động khác không bị cấm trong khu bảo tồn biển.

3. Tất cả các hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại trong khu bảo tồn biển đều phải tuân thủ sự kiểm soát của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hoạt động giao thông đường thủy

Các phương tiện giao thông đường thủy nội địa phải tuân thủ quy định tại Luật giao thông đường thủy nội địa; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

Điều 11. Bảo tồn cảnh quan, hệ động vật, thực vật trên cạn

1. Cảnh quan tự nhiên, hệ động, thực vật trên cạn thuộc Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa quản lý được bảo vệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa có trách nhiệm nghiên cứu, theo dõi, bảo vệ bãi đẻ và cứu hộ rùa biển, xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý, bảo tồn rùa biển; nghiên cứu, quy hoạch các khu vực thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát triển hệ sinh thái, các hoạt động phục vụ công tác bảo tồn, hoạt động văn hóa tín ngưỡng, hoạt động du lịch để tổ chức quản lý, sử dụng đúng mục đích (trừ diện tích đất quốc phòng thực hiện theo quy chế quản lý đất quốc phòng); xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án bảo tồn, phát triển các hệ sinh thái, ưu tiên phát triển trồng rừng để bảo vệ bờ biển, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU BẢO TỒN BIỂN

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản tại khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban trực thuộc tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra để xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực thủy sản trong khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật; đồng thời phối hợp thực hiện các dự án phục hồi hệ sinh thái, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất, các đề tài, các mô hình khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản có hiệu quả tại các khu vực đã quy định, tái tạo nguồn lợi thủy sản trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, nuôi trồng thủy sản... tại khu bảo tồn biển.

Điều 13. Sở Khoa học và Công nghệ

Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổng hợp trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét tham mưu trình Ủy

ban nhân dân tỉnh quyết định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến khu bảo tồn biển, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái và tái tạo nguồn lợi thủy sản tại khu bảo tồn biển.

Điều 14. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án về tài nguyên thiên nhiên và môi trường sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật và nâng cao nhận thức cộng đồng về tài nguyên thiên nhiên và môi trường khu bảo tồn biển.

2. Phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa và các cơ quan liên quan định kỳ quan trắc, đánh giá diễn biến môi trường khu bảo tồn biển.

3. Tổ chức thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tại các vùng ven biển và vùng lân cận của khu bảo tồn biển nhằm tạo sự hỗ trợ từ bên ngoài cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của khu bảo tồn biển.

Điều 15. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa và chính quyền địa phương thực hiện các chương trình đào tạo nghề phục vụ du lịch nhằm từng bước chuyển đổi nghề hợp lý cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

2. Phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa và chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức về bảo tồn biển cho các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh du lịch và du khách chấp hành đúng các quy định khi tham quan và tổ chức các hoạt động du lịch.

Điều 16. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên bao gồm: Hoạt động của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa và các hoạt động thường xuyên khác liên quan đến quản lý khu bảo tồn biển theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ. Chịu trách nhiệm hướng dẫn Ban Quản lý Khu bảo tồn quản lý và sử dụng nguồn tài chính cho Khu bảo tồn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa lập kế hoạch, dự án đầu tư phát triển và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách để triển khai hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong khu bảo tồn biển theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Điều 18. Sở Xây dựng

Hướng dẫn, kiểm tra Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa trong việc lập và quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng theo phân cấp, phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trong khu bảo tồn biển.

Điều 19. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và nội dung truyền tuyên nâng cao nhận thức về bảo tồn biển và phổ biến Quy chế này đến các cơ quan, đơn vị và tầng lớp Nhân dân.

Điều 20. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo lực lượng thuộc quyền, theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tham gia và phối hợp cùng với các ngành có liên quan thực hiện tốt công tác quản lý an ninh, trật tự trên biển và các vùng nước trong khu bảo tồn biển. Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan duy trì thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng, biên giới biển; hỗ trợ Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa trong công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm.

Điều 21. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chủ trì phối hợp với các lực lượng, cơ quan chức năng bảo đảm an ninh trật tự trên khu vực biên giới biển của tỉnh và các vùng nước trong khu bảo tồn biển. Quản lý hoạt động của người và phương tiện trong khu bảo tồn biển theo Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ; phối hợp với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương duy trì thực hiện các quy định của pháp luật và các quy định có liên quan ở khu bảo tồn biển; phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa trong công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong khu bảo tồn biển theo thẩm quyền.

Điều 22. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải và các huyện, thành phố ven biển

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ, phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả khu bảo tồn biển. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nội dung của Quy chế này cho các tổ chức, cá nhân, nhất là ngư dân, doanh nghiệp đóng trên địa bàn biết, thực hiện nghiêm Quy chế này và xử lý những hành vi vi phạm theo thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

Điều 23. Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương

1. Khuyến khích, tạo điều kiện để cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào quá trình lập, thực hiện kế hoạch quản lý khu bảo tồn biển, trong đó có hoạt động tuần tra, giám sát, bảo vệ.

2. Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa thống nhất với Ủy ban nhân dân huyện, xã trong khu bảo tồn biển quyết định hình thức, nội dung và thành phần cộng đồng dân cư tham gia trong các hoạt động bảo tồn biển.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa

1. Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa có quyền sau đây:

a) Thực hiện điều tra, khảo sát, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về bảo tồn biển trong phạm vi quản lý.

b) Hợp tác đào tạo, tuyên truyền, giáo dục môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn biển.

c) Thu phí, lệ phí theo quy định đối với hoạt động trong khu bảo tồn biển.

d) Phối hợp với tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh và hệ sinh thái tự nhiên trên biển trong khu bảo tồn biển.

đ) Công chức, viên chức của Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa khi đang thi hành công vụ trong khu bảo tồn biển được lập biên bản kiểm tra hoặc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo thẩm quyền, chuyển người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Kinh doanh, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học, phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái tự nhiên trên biển và các hoạt động dịch vụ khác trong khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật.

g) Có ý kiến đối với hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và dự án liên quan đến khu bảo tồn biển được giao quản lý; đề nghị cơ quan có thẩm quyền tạm dừng hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và dự án của tổ chức, cá nhân trong trường hợp không thực hiện đúng mục đích, nội dung, kế hoạch hoặc có hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn biển.

2. Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa có trách nhiệm sau đây:

a) Quản lý, bảo vệ khu bảo tồn biển theo Quy chế này và quy định của pháp luật liên quan.

b) Xây dựng đề án tổng thể phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu bảo tồn biển trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý khu bảo tồn biển định kỳ hằng năm, 05 năm, 10 năm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm, phòng trừ dịch bệnh; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong khu bảo tồn biển.

d) Tổ chức nghiên cứu, bảo tồn, tái tạo, bảo vệ, phục hồi và phát triển các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái biển trong khu bảo tồn biển; cứu hộ các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật; quan trắc, thu thập thông tin, số liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, chất lượng môi trường nước.

đ) Giám sát hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và dự án thực hiện trong khu bảo tồn biển.

e) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sống của loài thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

g) Tổ chức, phối hợp với lực lượng Kiểm ngư, Cảnh sát biển, Cảnh sát môi trường, Bộ đội biên phòng và chính quyền địa phương hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí lực lượng Kiểm ngư thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong khu bảo tồn biển.

h) Phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan hỗ trợ triển khai hoạt động sinh kế cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

i) Ban hành hướng dẫn, quy định đối với phương tiện và hoạt động trong khu bảo tồn biển.

k) Nghiên cứu, đề xuất cấp thẩm quyền điều chỉnh diện tích khu bảo tồn biển; diện tích, vị trí các phân khu chức năng của khu bảo tồn biển và vùng đệm theo quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế.

l) Lắp đặt, thả phao đánh dấu ranh giới khu bảo tồn biển; diện tích, vị trí các phân khu chức năng và lắp đặt phao cho tàu du lịch buộc neo.

m) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Tổng cục Thủy sản) về công tác quản lý khu bảo tồn biển định kỳ trước ngày 20 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển

1. Quyền của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển được quy định tại Điều 12 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển được quy định tại Điều 13 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của

Chính phủ.

Chương IV

TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG CỦA KHU BẢO TỒN BIỂN

Điều 26. Nguồn tài chính của khu bảo tồn biển

Nguồn tài chính của khu bảo tồn biển được quy định tại Điều 14 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

Điều 27. Quản lý, sử dụng tài chính của khu bảo tồn biển

Quản lý, sử dụng tài chính của khu bảo tồn biển được quy định tại Điều 15 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức triển khai, tham mưu thực hiện Quy chế này và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai các quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan; hỗ trợ, phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả khu bảo tồn biển.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của khu bảo tồn biển chưa được quy định tại Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của khu bảo tồn biển tại Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi cho phù hợp./.